

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2024
Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hơn.

Ông Đoàn Kim Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huệ T, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1990; cư trú tại: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ T trình bày: Chị Nguyễn Thị Huệ T và anh Nguyễn Thành L kết hôn do quen biết tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày

03/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Luân thường hay ghen tuông, không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị thấy vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh L. Con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 cháu: Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 27/12/2012 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 12/01/2019 hiện nay đang sống chung với chị, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Chị T yêu cầu xin giải quyết vụ án vắng mặt do bận công việc.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày: Thống nhất về quá trình hôn nhân như lời trình bày của chị T. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi nhau, có mâu thuẫn trong công việc. Nay anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi 02 cháu: Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 27/12/2012 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 12/01/2019 hiện nay đang sống chung với chị T, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu nhưng anh sẽ cho tiền để nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Anh L yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt do bận công việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L; về con chung chị T trực tiếp nuôi 02 cháu: Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 27/12/2012 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 12/01/2019, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đối với vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn anh Nguyễn Thành L có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[2]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ T, bị đơn anh Nguyễn Thành L có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/5/2012, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình hôn nhân, chị T và anh L đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, anh L còn cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn trong công việc còn chị T trình bày anh L không quan tâm đến vợ con. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cả hai anh chị đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Chị T cương quyết ly hôn còn anh L có nguyện vọng được đoàn tụ. Xét thấy nguyện vọng được đoàn tụ của anh L không được sự đồng ý của chị T, trong quá trình giải quyết vụ án anh L cũng không đưa ra được giải pháp nào có tính thuyết phục chị T để vợ chồng có thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L.

[4]. Về con chung: Chị T và anh L thống nhất nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị T sẽ trực tiếp nuôi 02 cháu: Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 27/12/2012 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 12/01/2019 hiện nay đang sống chung với chị T, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng sự thỏa thuận về nuôi con của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu M là muốn sống chung với chị T nên ghi nhận.

[5]. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

[7]. Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Huệ T.

Chị Nguyễn Thị Huệ T được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huệ T2 trực tiếp nuôi 02 cháu: Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 27/12/2012 và Nguyễn Hoàng Hồng N, sinh ngày 12/01/2019 hiện nay đang sống chung với chị T; anh Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3]. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Huệ T và anh Nguyễn Thành L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Huệ T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001473, ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên chị Nguyễn Thị Huệ T không phải nộp thêm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6]. Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án) (1b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- UBND xã Sơn Định, huyện Chợ Lách,
tỉnh Bến Tre (Đăng ký kết hôn số: 38, ngày
03/5/2012) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (3b).

Huỳnh Việt Thiện